

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 4093/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 06 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,1 ha) phục vụ thi công xây dựng Hồ chứa nước Hóc Thánh thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021 - 2025 tại mỏ đất TDTS22, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3420/STNMT-CCBVMT ngày 10/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,1 ha) phục vụ thi công xây dựng Hồ chứa nước Hóc Thánh thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021 - 2025 tại mỏ đất TDTS22, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,1 ha) phục vụ thi công xây dựng Hồ chứa nước Hóc Thánh thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021 - 2025 tại mỏ đất TDTS22, xã Bình Tường, huyện Tây đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 827/BQL-KTTĐ ngày 01/11/2023 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1324/TTr-STNMT ngày 03/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,1 ha) phục vụ thi công xây dựng Hồ chứa nước Hóc Thánh thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại mỏ đất TDTS22, xã Bình Tường, huyện Tây, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Tường;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

llh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 3,1 HA)
PHỤC VỤ THI CÔNG XÂY DỰNG HỒ CHỨA NƯỚC HÓC THÁNH
THUỘC DỰ ÁN SỬA CHỮA, NÂNG CẤP CÁC HỒ CHỨA NƯỚC
HƯ HỎNG, XUỐNG CẤP GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 TẠI MỎ ĐẤT
TDTS22, XÃ BÌNH TƯỜNG, HUYỆN TÂY SƠN
CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,1 ha) phục vụ thi công xây dựng Hồ chứa nước Hóc Thánh thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021 - 2025.

- Địa điểm thực hiện: tại mỏ đất TDTS22, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT.

- Địa chỉ liên hệ: số 200 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0256 3814 701.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 3,1 ha.

- Thời hạn khai thác: 02 năm (khai thác theo tiến độ thi công dự án Hồ chứa nước Hóc Thánh thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021 - 2025).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng khai thác: 126.316 m³ đất địa chất.

- Công suất khai thác:

+ Năm thứ 1 (dự kiến năm 2024): 73.027 m³ đất địa chất/năm.

+ Năm thứ 2 (dự kiến năm 2025): 53.289 m³ đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

Vị trí mở mỏ khai thác năm đầu tiên tại cao độ cos +90m phía Tây Nam khai trường (gần điểm góc số 1) theo hướng khai thác từ trên xuống dưới; thực hiện phục hồi môi trường (san gạt, trồng cây) theo trình tự cuốn chiếu sau khi kết thúc khai thác hàng năm. Chiều sâu huy động thiết kế 4,36 m (trong đó, chiều sâu huy động khai thác trung bình 4,0 m, chiều sâu lớp đất bóc tầng phủ

0,36 m), cao độ kết thúc khai thác thấp nhất +69m. Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống mương thu gom nước mưa xung quanh khu vực khai thác có tổng chiều dài 740 m, mương thu gom nước dọc hai bên tuyến đường có tổng chiều dài 720 m; 02 hố giảm tốc (phía Đông và Bắc mỏ); 02 bãi lưu chứa đất tầng phủ để phục hồi môi trường, cụ thể: diện tích khoảng 1.780 m² (phục vụ san gạt, phục hồi môi trường khi kết thúc năm thứ nhất) và 1.500 m² (phục vụ san gạt, phục hồi môi trường khi kết thúc năm thứ hai).

- Tuyến đường giao thông:

+ Tuyến đường ngoài mỏ: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường hiện trạng từ mỏ đến công trình, kích thước dài 500 m x rộng 5,5 m.

+ Tuyến đường tạm trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 362,74 m.

- Khu vực phụ trợ phía Bắc mỏ, diện tích khoảng 2.000 m² để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 3,1 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,56 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 10.220 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn là 9,02 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến

dự án Hồ chứa nước Hóc Thánh.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 12,6 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 05 kg/năm; pin, ắc quy thải (Mã chất thải: 16 01 12) khoảng 07 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 15 kg/năm.

- Tổng khối lượng đất tầng phủ giữ lại khoảng 5.310 m³ để san gạt, phục hồi môi trường khi kết thúc năm khai thác thứ nhất và khoảng 3.990 m³ để san gạt, phục hồi môi trường khi kết thúc năm khai thác thứ hai.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, ảnh hưởng đến các công trình trong khu vực như: diện tích trồng hoa màu ở phía Đông mỏ; nguy cơ sa bồi mương thoát nước phía Đông mỏ,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài khoảng 740 m (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy bé 1,5 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường có chiều dài 720 m (kích thước: đáy lớn 1,2 m x đáy bé 0,4 m x sâu 0,5 m). Các mương có kết cấu là mương đất hỡ, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 1 phía Đông (tọa độ 1.538.672; 567.607), thể tích khoảng 450 m³ (diện tích 150 m², sâu 3 m); hồ giảm tốc số 2 phía Bắc (tọa độ: 1.538.834; 567.491), thể tích khoảng 798 m³ (diện tích 266 m², sâu 3 m). Kết cấu các hồ giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông, Đông Nam và một phần Đông Bắc mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hồ giảm tốc số 01 phía Đông (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Đông Bắc mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây và một phần Đông Bắc mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hồ giảm tốc số 02 phía Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và

hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Bắc mỏ.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

- Đất bóc tầng phủ được tập kết tại 02 bãi chứa tạm: bãi tạm số 01 diện tích khoảng 1.780 m² (tọa độ: 1.538.746; 567.484) và bãi tạm số 02 diện tích khoảng 1.500 m² (tọa độ: 1.538.660; 567.512), kết cấu bãi chứa tạm được gia cố và tạo bờ bao xung quanh đảm bảo để hạn chế sạt lở; thực hiện sử dụng lượng đất này để san gạt, phục hồi môi trường khu vực dự án theo kiểu cuốn chiếu.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường (san gạt, trồng cây) theo trình tự cuốn chiếu hàng năm, cụ thể diện tích phục hồi môi trường từng năm như sau: Năm 1: 1,77 ha; năm 2: 1,33 ha. Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực mỏ				
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	5	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	9.300	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoát về phía Đông Bắc (hạ lưu) thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
3.	San lấp mương thoát nước và hố giảm tốc	m ³	3.080	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
4.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	40		
5.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	3,1	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
6.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	3,1	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng hàng năm

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **410.831.000 đồng** (Bốn trăm mười triệu tám trăm ba mươi một nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 97.533.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 308.123.000 đồng, thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát bụi lơ lửng (TSP) 01 điểm tại khu vực tiếp giáp đường bê tông hiện trạng phía Bắc Dự án (tọa độ 1.538.677, 567.621) so sánh với QCVN

05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.3. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.4. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.